BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Số: 1752/QĐ-ĐHLHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10/11/1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 24/7/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4002/QĐ-ĐHLHN ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc công nhận nghiên cứu sinh, phê duyệt đề tài luận án tiến sĩ và phân công người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Khoa Pháp luật Hình sự và Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường về đề tài: "Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện" của nghiên cứu sinh Trần Văn Hậu, ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, mã số 9380105, gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường có nhiệm vụ thực hiện đúng các quy định hiện hành về đánh giá luận án tiến sĩ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc trường và các thành viên của Hội đồng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Khoa Pháp luật Hình sự (để p/h thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Tô Văn Hòa

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường
của nghiên cứu sinh: Trần Văn Hậu

(Kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng
1	PGS.TS Nguyễn Văn Hương	Trường Đại học Luật Hà Nội	Chủ tịch
2	TS Lưu Hoài Bảo	Trường Đại học Luật Hà Nội	Thư ký
3	GS.TS Nguyễn Xuân Yêm	Đại học Quốc gia Hà Nội	Phản biện 1
4	GS.TS Võ Khánh Vinh	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Phản biện 2
5	TS. Hoàng Xuân Châu	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phản biện 3
6	PGS.TS Đỗ Thị Phương	Trường Đại học Luật Hà Nội	Ủy viên
7	PGS.TS Hồ Sỹ Sơn	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Ủy viên

Hội đồng bao gồm 07 (bảy) thành viên./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Cấp Trường)

Thực hiện Quyết định số 1752/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường đã họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi 14h giờ ngày 10 tháng 9 năm 2026 để đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường cho:

Nghiên cứu sinh: Trần Văn Tâu Sinh ngày: 5/6/1992

Tên đề tài: Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh đối với công dân Việt Nam theo luật hình sự

Chuyên ngành đào tạo: Tội phạm học và PNTP Mã số: 9380105

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Cao Thị Oanh

2. T.S. Nguyễn Khắc Hải

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ BUỔI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

1. Các thành viên Hội đồng:

1) PGS.TS. Nguyễn Văn Hường, Chủ tịch Hội đồng

2) GS.TS. Nguyễn Văn Yêu, Phản biện 1

3) GS.TS. Võ Khánh Vinh, Phản biện 2

4) TS. Hoàng Xuân Châu, Phản biện 3

5) TS. Lưu Hoài Bảo, Thư ký Hội đồng

6) PGS.TS. Đỗ Thị Phượng, Ủy viên Hội đồng

7) PGS.TS. Hồ Sĩ Sơn, Ủy viên Hội đồng

Các thành viên Hội đồng có mặt: 7/7.

2. Người hướng dẫn khoa học:

1) PGS.TS. Cao Thị Oanh

2) .....

3. Đại diện các cơ quan, ban ngành:

1) ....., đại diện cơ sở đào tạo.

2) ....., đại diện cơ quan công tác của NCS.

II. TIẾN TRÌNH BUỔI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng., đại diện cơ sở đào tạo công bố Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp.

2 PGS.TS... Nguyễn Văn Thắng., Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện tổ chức buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn và công bố chương trình làm việc.

3. TS. Lê Thị Hải Vân....., Thư ký Hội đồng công bố Lí lịch khoa học, Bảng điểm thạc sĩ, Bảng điểm các học phần ở trình độ tiến sĩ, chứng chỉ ngoại ngữ của NCS và các điều kiện cần thiết để NCS được bảo vệ luận án.

4. Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS:

.....Không.....

.....

5. Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu của luận án:

- Nghiên cứu sinh nêu rõ tính cấp thiết của đề tài luận án; tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài; mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể của đề tài luận án; đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của luận án; các phương pháp nghiên cứu và những đóng góp mới của luận án.

- Nghiên cứu sinh cũng trình bày nội dung và những kết quả nghiên cứu chính của luận án thể hiện trong các chương của luận án như sau:

Chương 1: ...Những vấn đề lý luận phòng ngừa tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam

Chương 2: Thực trạng phòng ngừa tội phạm xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thời gian qua

Chương3: ...Định hướng và giải pháp tăng cường phòng ngừa tội phạm về X.C, N.C của công dân Việt Nam thời gian qua...

Chương 4: .....

.....

6. Các thành viên phản biện đọc nhận xét luận án và nêu câu hỏi:

- GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm, Phản biện 1 *(có văn bản kèm theo)*
- GS.TS. Võ Khánh Vinh., Phản biện 2 *(có văn bản kèm theo)*
- TS. Hoàng Xuân Châu... , Phản biện 3 *(có văn bản kèm theo)*

7. Thư ký Hội đồng công bố Báo cáo tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá của các cơ quan, nhà khoa học về Tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh.

8. Các thành viên của Hội đồng là ủy viên công bố nhận xét luận án tiến sĩ và nêu câu hỏi (nếu có):

- PGS.TS. Đỗ Thu Phương, Ủy viên *(có văn bản kèm theo)*
- PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn, Ủy viên *(có văn bản kèm theo)*

9. Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên về ưu điểm và hạn chế của luận án.

Ưu điểm:

Luận án đã quan tâm tính hình nghiên cứu ở trong nước và thế giới liên quan của đề tài.

Phân tích và làm rõ cơ sở lý luận của việc phòng ngừa các tội phạm liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh.

Phân tích được luật liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XC, NC của công dân.

Đề xuất được các giải pháp có tính khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa các tội về xuất cảnh, nhập cảnh ở địa phương hiện nay.

Hạn chế:

Luận án phân tích thực trạng còn hạn chế nên chưa thực sự nổi bật những nguyên nhân của tội phạm.

+ Nêu các phòng ngừa

+ Các hợp thuyết nghĩa vụ của giáo viên giữ gìn giá trị của phạm

+ Nội dung biện pháp của luận án

+ Các hợp thuật

10. Chủ tịch Hội đồng chốt lại các yêu cầu giải trình hoặc câu hỏi dành cho NCS (nếu có).

Câu hỏi 1:

Hiện nay đối với xuất cảnh, nhập cảnh có tổ chức xuất quốc gia đang có diễn biến gia tăng ở nước ta phòng ngừa các tội phạm này, cần có quan chức năng cần phải làm gì để giải quyết vấn đề trên hành như thế nào?

Câu hỏi 2:

Qua nghiên cứu đề tài, NCS cho biết đóng góp lý luận
thực tiễn của đề tài và giá trị mới

Câu hỏi 3:

Có nên xử dụng cây nghệ thuật tươi hơn như là
một giải pháp độc lập không?

Câu hỏi 4:

Tại bảng 18.2, tác giả đã cho biết bao nhiêu năm liền
là người nước ngoài đến nhiều nhất tại VN

Câu hỏi 5:

Nếu bài viết trên 3G8, thì vấn đề bị đề cập
theo PL dạng nào? Xác định bị phạm khoản thứ?

11. Nghiên cứu sinh có ý kiến giải trình hoặc trả lời các câu hỏi của hội đồng:

Ý kiến giải trình:

Câu 6:
PGS.TS Đỗ Thị Phương: Tại bảng 9.1, VB
số liệu 57% thì ghép tác giả của nó để
là gì?

Câu 7:
PGS.TS Hồ Sỹ Sơn: Cần về hệ giải pháp
phù hợp thực tiễn?

Trả lời câu hỏi:

Câu 1:

— Ra đời sớm nhất của văn bản pl quốc tế có màu thuẫn với pl của Việt Nam

→ Để xác định phải có các tiêu chí xác định, tiêu chuẩn

Câu 2:

— Nghiên cứu pl nước ngoài cụ thể cần phân tích rõ pl nước ngoài quy định về luật chung

→ Để tài có tính thực tiễn ngay từ nhận thức pl nghiên cứu

→ Việc tiếp thu pl nước ngoài cần phù hợp với thực tiễn pl

Câu3:

— Nên nắm chắc học tập nghề nghiệp pl nước làm thế nào, tìm các mối liên hệ dùng nghề để áp dụng cho loại tội nặng

Câu 4:

— Chia phần tính từ ngày tiếp xúc với Việt Nam và ngược

— Cần tìm hiểu luật pl nước ở các lĩnh vực cần, cần nhiều pl nhiều hơn pl nước nhiều hơn chia bản

.....

.....

.....

Câu 5:

Xử lý thu PL của Việt Nam hoàn toàn là thu PL theo đúng quy định của pháp luật thống nhất với các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật dân sự khác.

Câu 6: Học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Ví dụ cần tăng cường kiểm soát XNC, kiểm soát biên giới.

Câu 7: Đã thể hiện lồng vào câu 2.

11. PGS.TS. Cao Thị Oanh đại diện tập thể hướng dẫn khoa học của NCS phát biểu ý kiến.

12. Hội đồng thảo luận và thông qua Quyết nghị của Hội đồng.

13. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.

III. CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

1. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.

2. Chủ tịch Hội đồng đọc Quyết nghị của Hội đồng.

3. Các đại biểu phát biểu ý kiến.

4. NCS phát biểu ý kiến.

5. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ và Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Lưu Hồng Bảo	Nguyễn Văn Hường

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Tô Văn Hòa

BM75-TS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Tài liệu họp Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường)

Họ và tên nghiên cứu sinh: Trần Văn Hậu

Tên đề tài luận án: *Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện*

Ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm Mã số: 9380105

Họ tên, học hàm học vị của người nhận xét: PGS.TS. Nguyễn Văn Hương

Chức trách trong Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng

Cơ quan công tác của người nhận xét: Trường Đại học Luật Hà Nội

Sau khi đọc kỹ bản thảo luận án của NCS Trần Văn Hậu, người nhận xét có một số ý kiến nhận xét sau đây:

1. Tính cần thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án

Phòng ngừa tội phạm nói chung, các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng, nhất là các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện là nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền, các cơ quan bảo vệ pháp luật và toàn xã hội. Trong những năm gần đây, các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh nói chung, các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện nói riêng có xu hướng tăng và có diễn biến phức tạp. Điều đó đặt ra yêu cầu phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; đánh giá tổng thể đầy đủ tình hình tội phạm, các nguyên nhân của tội phạm, hiệu quả các biện pháp đã được áp dụng trong việc phòng ngừa tội phạm cũng như đưa ra được các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả đối với các tội phạm này ở Việt Nam hiện nay.

Việc NCS lựa chọn đề tài *"Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện"*, nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm này; làm rõ thực trạng, diễn biến của tội phạm; làm rõ các nguyên nhân của tội phạm; đánh giá thực tiễn tổ chức lực lượng, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kết quả đạt được cũng như những hạn chế thiếu sót, từ đó đưa ra các giải pháp tăng cường phòng ngừa để phòng ngừa có hiệu quả các tội phạm này ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết. Điều đó cho thấy, đề tài mà tác giả lựa chọn không chỉ có tính cấp thiết mà còn có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

2. Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu

- Luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống và tương đối đầy đủ về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện trong đó phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm; phân tích, làm rõ tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, thực tiễn tổ chức lực lượng, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kết quả đạt được và những hạn chế, thiếu sót trong việc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; dự báo và đề xuất các giải pháp cần thiết phòng ngừa có hiệu quả các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

- Kết quả nghiên cứu và các kết luận của luận án không có sự trùng lặp so với các công trình khoa học, luận văn, luận án đã công bố mà người nhận xét được biết.

3. Sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung, giữa nội dung với ngành và mã số ngành

Nội dung nghiên cứu của luận án phù hợp với tên đề tài luận án và mã số chuyên ngành: 9380105.

Các số liệu, tài liệu được trích dẫn trong bản thảo luận án rõ ràng, đầy đủ, có độ tin cậy.

4. Độ tin cậy và tính hiện đại của các phương pháp nghiên cứu

Luận án có cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu khoa học, đảm bảo độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu.

Các phương pháp nghiên cứu truyền thống trong nghiên cứu luật học được tác giả sử dụng để làm rõ các nội dung nghiên cứu như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thông kê, phương pháp nghiên cứu tình huống... Điều này đã góp phần làm rõ các nội dung nghiên cứu và khẳng định kết quả nghiên cứu của luận án.

5. Kết quả nghiên cứu mới của tác giả

- Luận án đã tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; phân tích, làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của phòng ngừa cũng như cơ sở, nguyên tắc, chủ thể phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

- Phân tích, làm rõ tình hình, nguyên nhân của tội phạm; thực tiễn tổ chức lực lượng, tổ chức thực hiện các giải pháp phòng ngừa, kết quả đạt được cũng như những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động phòng ngừa tội phạm, nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong việc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (giai đoạn 2018 – 2025).

- Trên cơ sở dự báo tội phạm, tác giả luận án đã phân tích các giải pháp cụ thể tăng cường việc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện. Các giải pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện mà tác giả đưa ra có cơ sở khoa học và thực tiễn, có tính khả thi.

6. Ưu điểm và nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức của luận án

**** Những ưu điểm của luận án***

- Luận án có bố cục chương, mục khá rõ ràng, hợp lý.

- Luận án là công trình nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện. Cụ thể:

+ Luận án phân tích được khá rõ một số vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện như khái niệm, đặc điểm, mục đích, vai trò của hoạt động phòng ngừa; phân tích cơ sở, nguyên tắc, chủ thể và các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

+ Luận án phân tích tình hình tội phạm, nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; thực trạng tổ chức lực lượng, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; phân tích kết quả đạt được cũng như hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện giai đoạn 2018 - 2025.

+ Dự báo tội phạm, đề xuất các giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện. Các đề xuất mà tác giả đưa ra có cở sở khoa học, thực tiễn và có tính khả thi.

- Luận án có thể là tài liệu tham khảo có giá trị đối với cơ quan chức năng trong tổ chức, thực hiện các hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung, các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện nói riêng. Luận án còn có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh cũng như các nhà khoa học, những người làm công tác thực tiễn quan tâm.

- Bản tóm tắt luận án phản ánh khá trung thành nội dung Luận án.

**** Những điểm hạn chế của luận án***

- Các bảng thống kê: Bảng 8, 9, 9.1, 9.2, 10, 11, 12... không có chú thích nguồn từ 316 bản án với 614 bị cáo, 2819 người (nạn nhân) của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện nên người đọc khó theo dõi mặc dừ tại Tr. 76 luận án có nhắc đến vấn đề này.

- Một số nhận định, đánh giá chưa rõ, chưa chính xác (tr. 88, 131).

- Phân tích nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (tr 127 – 133) còn khá sơ sài, chưa thật rõ.

- Số liệu tại Bảng 5 (Phụ lục 1) chưa phù hợp với nội dung nghiên cứu, đồng thời không phù hợp với thông tin tại Bảng 4. Cụ thể: tác giả không sử dụng số liệu (số vụ/bị cáo) bị xét xử sơ thẩm để nghiên cứu cơ cấu tội phạm mà sử dụng số liệu (vụ/bị can) bị khởi tố để nghiên của cơ của tội phạm là không hợp lý. Mặt khác tại bảng 5, số liệu về vụ/bị can bị khởi tố những tác giả sử dụng từ "bị cáo" trong bảng số liệu.

- Tên các tài liệu tham khảo số 94, 97, 105, 127 không chính xác. Tác giả đã nhầm lẫn giữa tác giả và chủ biên (giáo trình là của cơ sở đào tạo chứ không phải của chủ biên).

- Chú tích tài liệu tham khảo tại tr. 33, 38, 67, 71, 94, 98, 99, 100, 101, 102... chưa chính xác (không có tên tác giả bài viết, báo cáo...).

- Còn lỗi kỹ thuật, lỗi diễn đạt (tr. 37, 38, 73, 88, 127...).

7. Về các công trình khoa học của nghiên cứu sinh đã công bố

- Tác giả có 05 công trình khoa học liên quan đến luận án được công bố trên tạp chí có uy tín. Các bài viết đều có chất lượng khá tốt.

8. Kết luận *(ghi rõ luận án có đáp ứng được các yêu cầu về nội dung và hình thức của luận án tiến sĩ hay không; ý kiến đồng ý hay không đồng ý kiến nghị Trường công nhận học vị tiến sĩ cho nghiên cứu sinh)*

Luận án đáp ứng được các yêu cầu về nội dung và hình thức của luận án tiến sĩ luật học.

Đồng ý kiến nghị Trường Đại học Luật Hà Nội công nhận học vị tiến sĩ cho nghiên cứu sinh sau khi chỉnh sửa luận án theo Kết luận của Hội đồng.

Xác nhận chữ ký của cơ quan công tác

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Trần Danh Phú

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2026

Người nhận xét

Nguyễn Văn Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Về đề tài: Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện
Tác giả: Trần Văn Hậu
Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Mã số: 9380105
Người nhận xét: **TS. Lưu Hoài Bảo**

Nội dung nhận xét:
1. Nhận xét về tính cần thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án. Sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung, giữa nội dung với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Đề tài luận án có tính cấp thiết, thời sự cao, xuất phát từ thực tiễn tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh (XCNC) do công dân Việt Nam (CDVN) thực hiện diễn biến phức tạp, khó lường trong giai đoạn 2018 - 2025 (1.497 vụ án, 2.876 bị cáo bị xét xử - tr.72), gây hậu quả nghiêm trọng về tính mạng, tài sản của công dân, ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại (dẫn chứng vụ 39 công dân Việt Nam tử vong khi nhập cảnh trái phép vào Vương quốc Anh năm 2019 - tr.73).

Về mặt lý luận, đây là công trình chuyên khảo đầu tiên nghiên cứu tương đối toàn diện, có hệ thống về phòng ngừa nhóm tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện dưới góc độ Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, góp phần bổ sung lý luận phòng ngừa đối với một nhóm tội phạm cụ thể, có tính xuyên quốc gia. Về mặt thực tiễn, luận án cung cấp bức tranh khảo sát tương đối công phu (kết hợp số liệu thống kê chính thức của Tòa án nhân dân tối cao giai đoạn 2018 - 2025 với khảo sát 316 vụ án, 614 bị cáo và 2.819 người được tổ chức xuất, nhập cảnh trái phép - tr.77), từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự, xây dựng dự thảo luật chuyên biệt, có giá trị tham khảo cho các cơ quan xây dựng chính sách, cơ quan bảo vệ pháp luật.

Tên đề tài, nội dung nghiên cứu và kết cấu luận án phù hợp với mã số, chuyên ngành đào tạo Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (9380105).

2. Nhận xét về sự trùng lặp của tên đề tài, nội dung và kết quả nghiên cứu:

Qua đối chiếu với các công trình đã công bố trong lĩnh vực tội phạm học liên quan đến xuất, nhập cảnh mà người nhận xét được biết, chưa phát hiện sự trùng lặp đáng kể về tên đề tài, nội dung và kết quả nghiên cứu với các công trình đã bảo vệ hoặc công bố trước đó.

3. Nhận xét về phương pháp đã sử dụng để nghiên cứu trong luận án:

Nghiên cứu sinh (NCS) đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Tội phạm học (phương pháp thống kê hình sự, phân tích, tổng hợp, khảo sát xã hội học với mẫu 316 vụ án cụ thể...).

4. Kết quả nghiên cứu, những đóng góp mới; ý nghĩa khoa học, giá trị và độ tin cậy của những kết quả nghiên cứu của luận án:

Luận án có một số đóng góp mới, nổi bật là:

Xây dựng được khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, nội dung, chủ thể và hệ thống biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện với tư cách một nhóm tội phạm cụ thể, có tính xuyên quốc gia (Chương 1).

- Khảo sát, đánh giá tương đối toàn diện thực trạng tình hình, nguyên nhân và thực tiễn phòng ngừa loại tội phạm này trên phạm vi cả nước giai đoạn 2018 - 2025, kết hợp số liệu thống kê chính thức với khảo sát thực tế (Chương 2).

- Đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, trong đó có những kiến nghị cụ thể, có giá trị tham khảo cao như: hướng sửa đổi Điều 348, Điều 349 Bộ luật Hình sự (BLHS); xây dựng Dự thảo Luật Phòng, chống xuất nhập cảnh trái phép; kiến nghị thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về xuất, nhập cảnh (Chương 3).

5. Đánh giá về ưu điểm, nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức của luận án:

5.1. Về ưu điểm (kết quả thành công) của luận án:

Luận án có rất nhiều ưu điểm: Kết cấu ba chương logic, bảo đảm mạch lý luận - thực trạng - dự báo, giải pháp. Số liệu được cập nhật đến năm 2025 - 2026, có cập nhật những thay đổi về tổ chức bộ máy sau đợt sắp xếp năm 2025 (mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tổ chức lại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Quản lý xuất nhập cảnh...). Phần giải pháp (Chương 3) được xây dựng phong phú, có đối chiếu kinh nghiệm quốc tế đa dạng (mô hình quản lý xuất, nhập cảnh tập trung của Singapore, Canada; hệ thống Schengen SIS II/VIS và cơ chế Frontex của EU; chương trình EPS của Hàn Quốc; hệ thống Smart Border của Hoa Kỳ...), có giá trị tham khảo thiết thực.

5.2. Về một số nhược điểm và góp ý để tác giả chỉnh sửa, hoàn thiện luận án:

Phần Tổng quan và Chương 1:

Việc vận dụng các học thuyết tội phạm học hiện đại làm công cụ phân tích còn thiếu nhất quán. Tại Chương 1 (tr.36-38), NCS đã trình bày khá kỹ ba học thuyết: thuyết cơ hội phạm tội (Crime Opportunity Theory), thuyết lựa chọn duy lý (Rational Choice Theory) và thuyết hành vi thói quen (Routine Activity Theory của Cohen và Felson, với bộ ba yếu tố "mục tiêu phù hợp - thiếu vắng sự bảo vệ - đối tượng có động cơ phạm tội"). Song trong luận án ở 2 chương còn lại: "Lý thuyết lựa chọn hợp lý" chỉ được nhắc lại đúng 01 lần duy nhất, tại tr.89 (mục 2.1.2), để lý giải động cơ kinh tế của tội phạm; còn "thuyết hành vi thói quen" và "thuyết cơ hội phạm tội" - hai học thuyết có giá trị ứng dụng trực tiếp nhất đối với một luận án về phòng ngừa (giảm cơ hội phạm tội, tăng cường sự bảo vệ mục tiêu) - không xuất hiện thêm ở

trong toàn bộ Chương 2 (phân tích tình hình, nguyên nhân tội phạm) và Chương 3 (đề xuất giải pháp). Điều này khiến hệ thống giải pháp ở Chương 3 (kiểm soát biên giới thông minh, ứng dụng công nghệ giám sát, tăng cường kiểm soát XNC...) tuy phù hợp về mặt thực tiễn nhưng chưa được luận giải, kết nối logic với chính khung lý thuyết đã được NCS giới thiệu công phu ở Chương 1.

Về kỹ thuật kết cấu trong mục 1.1: nội dung "Mục tiêu phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện" (tr.39-40) được trình bày như một tiêu đề không đánh số (chỉ có gạch đầu dòng), nằm xen giữa nội dung của mục 1.1.1 (Khái niệm) và trước mục 1.1.2 (Đặc điểm, tr.40). Nếu có nó phải là 1 tiểu mục hoặc không nên gạch đầu dòng mà chỉ làm rõ thêm cho khái niệm.

Chương 2:

Một số số liệu, bảng biểu tại Phụ lục cần được rà soát, tính lại. Cụ thể:

- Bảng 5 (tr.202-203, được dẫn tại tr.76-77): tỷ lệ "Số vụ (1)/(2)" của năm 2023 (289/1.296 vụ, bảng ghi 21,83%) và năm 2024 (252/1.051 vụ, bảng ghi 22,30%) không khớp với kết quả tính trực tiếp từ chính số liệu tuyệt đối nêu trong bảng (289/1.296 = 22,30%; 252/1.051 = 23,98%), trong khi cột tỷ lệ "Số bị can (3)/(4)" của cùng hai năm này lại tính đúng (563/2.323 = 24,24%; 414/1.926 = 21,50%). Như vậy, riêng cột tỷ lệ số vụ của hai năm 2023, 2024 có khả năng bị sai lệch trong quá trình tổng hợp, cần được đối chiếu, tính lại.
- Bảng 20 (tr.211, phần lưu lượng XNC): cột "Người nước ngoài" ghi mức trung bình chung là 16,62 triệu người, nhưng tính trực tiếp từ 08 số liệu năm (2018 - 2025) cho kết quả 15,62 triệu người. Điều đáng lưu ý là ngay trong nội tại Bảng 20, nếu lấy trung bình cột CDVN (11,83 - đã tính đúng) cộng với 16,62 (số liệu bảng ghi cho cột Người nước ngoài) sẽ bằng 28,45, không khớp với chính cột "Tổng" mà bảng đưa ra (27,45); trong khi 11,83 + 15,62 (số tính lại) = 27,45, khớp chính xác với cột Tổng. Điều này cho thấy số liệu 16,62 tại Bảng 20 là chưa chính xác, cần đính chính lại thành 15,62.

Số liệu phần tình hình tội phạm ở phần diễn biến tác giả chưa xử lý số liệu. Do đó ở biểu đồ trong phần phụ lục, ở biểu đồ 14 (diễn biến tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện và biểu đồ 15 (NCS đang viết là 14) biểu đồ cơ cấu các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện là chưa chính xác. Thứ nhất: Biểu đồ đang vẽ theo số tuyệt đối; thứ hai: Tác giả không được vẽ biểu đồ kết hợp cột và đường mà phải là biểu đồ 2 đường. (Kết hợp chỉ xảy ra khi làm giữa mức độ và diễn biến; Thứ ba là tên biểu đồ không hợp lý, cần sửa lại là biểu đồ diễn biến về tính chất (thay vì biểu đồ cơ cấu – chỉ về tỷ trọng và phải là biểu đồ tròn)

Một điểm khuyến nghị thêm là trong các tội Điều 347, 348, 349 hay 350 có hành vi, mục đích, động cơ khác nhau, nhân thân khác nhau nhưng trong phần nguyên nhân của tội phạm và nguyên nhân của hạn chế trong thực trạng phòng ngừa

tác giả chưa chia nhóm nguyên nhân cụ thể. Đây là điểm quan trọng để tìm được biện pháp sát với từng nhóm tội tương đồng và khác nhau.

Chương 3:

Kiến nghị "thống nhất hoạt động kiểm soát XNC ở tất cả các cửa khẩu quốc tế về một đầu mối quản lý thuộc Bộ Công an" (tr.171) là một kiến nghị có tính chất cải cách tổ chức bộ máy lớn, liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh thẩm quyền hiện đang được phân công giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (lực lượng Bộ đội Biên phòng hiện quản lý phần lớn cửa khẩu đường bộ, đường thủy, cảng biển). Tuy nhiên, luận án mới dừng ở mức nêu vấn đề, chưa phân tích sâu tính khả thi về mặt thể chế, tác động đến công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, mà tự nhận là "cần được thảo luận, nghiên cứu kỹ". Đề nghị NCS cân nhắc bổ sung phân tích, hoặc xác định rõ đây là một hướng nghiên cứu mở, tiếp tục triển khai trong tương lai.

Về hình thức:

Một số lỗi kỹ thuật cần rà soát: "CDCN" thay vì "CDVN" (tr.90 và tr.133 - lặp lại 02 lần khác nhau); "QLNNN" thừa một chữ N (tr.131, chú thích 104); "...có sự gia ăng đột biến..." thiếu chữ "t" (tr.85, nên là "gia tăng").

Câu mở đầu phần Kết luận toàn luận án (tr.179) có lỗi đánh máy: "Trên cơ sở hệ thống hóa, phân tích, luận gi những vấn đề lý luận..." (thiếu chữ, đúng ra là "luận giải"). Tại tr.178 có lỗi lặp từ: "...nếu được triển khai một cách hệ thống, đồng bộ, hệ thống sẽ góp phần...".

Đề nghị NCS rà soát lại toàn văn luận án (không chỉ các trang được nêu cụ thể ở trên) để phát hiện, khắc phục các lỗi chính tả, đánh máy, lỗi số liệu tương tự trước khi nộp lưu chiểu.

6. Sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình nghiên cứu đã công bố, nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh:

NCS đã công bố 06 công trình liên quan trực tiếp đến đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín: Tạp chí Khoa học Kiểm sát (2024), Tạp chí Luật học (2024), Tạp chí Quản lý nhà nước (02 bài, 2025), Tạp chí Kiểm sát (2025) và tạp chí quốc tế Law and Legislation (2026). Nội dung các công trình bám sát, phản ánh các kết quả nghiên cứu cốt lõi của luận án (định tội danh; hoàn thiện pháp luật; điều tra xử lý; giải pháp phòng, chống; hợp tác quốc tế), thể hiện quá trình nghiên cứu liên tục, có tính kế thừa, đáp ứng yêu cầu của Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành.

7. Bản tóm tắt luận án: Bản tóm tắt luận án phản ánh sát với nội dung cơ bản của luận án.

8. Kết luận chung:

Luận án "Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện" của NCS Trần Văn Hậu là một công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc, có giá trị lý luận và thực tiễn. Luận án đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về nội dung, hình thức, tính mới và ý nghĩa khoa học của một luận án tiến sĩ chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

Đồng ý kiến nghị Nhà trường công nhận học vị tiến sĩ cho nghiên cứu sinh sau khi nghiên cứu sinh đã chỉnh sửa luận án theo kết luận của Hội đồng.

Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 2026

Xác nhận chữ ký của cơ quan công tác

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Trần Danh Phú

Người nhận xét

Lưu Hoài Bảo

(Lưu)

Hà Nội ngày 4 tháng 09 năm 2026

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

"Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện".

Nghiên cứu sinh: Trần Văn Hậu, Nghiên cứu sinh Trường Đại học Luật Hà Nội.

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 938.01.05.

Người nhận xét: GS.TS Nguyễn Xuân Yêm

Cơ quan công tác: Đại học Quốc gia Hà Nội

Sau khi nghiên cứu Luận án Tiến sĩ Luật học *"Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện"* thuộc mã ngành đào tạo Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (938.01.05), tôi có một số ý kiến nhận xét sau:

1-Sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền kinh tế-xã hội nước ta đã có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Việt Nam đã ngày càng trở thành điểm đến an toàn của bạn bè thế giới. Tuy nhiên bên cạnh những mặt được, những thuận lợi, thời cơ là cơ bản, đất nước ta đang còn phải đối mặt với nhiều thách thức, nguy cơ. Tội phạm nói chung, tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện nói riêng vẫn đang còn là một vấn đề xã hội lớn của đất nước, cản trở công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới. Vì vậy đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, phòng, chống tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt.

Đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã đề cập tới một vấn đề cấp bách và thời sự của Khoa học Luật hiện nay ở nước ta là tăng cường hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 của Chính phủ, thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Chiến lược An ninh quốc gia; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển.

Đề tài luận án phù hợp với mã số chuyên ngành đào tạo Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (938.01.05).

2- Luận án của nghiên cứu sinh có bố cục hợp lý, phù hợp với bố cục một luận án tiến sĩ luật học. Nghiên cứu sinh có phương pháp nghiên cứu đúng đắn, biết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học như các phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, các phương pháp toạ đàm, quan sát, điều tra xã hội học, nghiên cứu phân tích, thống kê, v.v. Các phương pháp này đã cho kết quả nghiên cứu khoa học tin cậy. Đề tài luận án, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận không trùng lặp với các luận án đã bảo vệ ở nước ta và nước ngoài. Việc trích dẫn rõ ràng, đầy đủ và trung thực.

3-Đề tài luận án là công trình nghiên cứu khoa học chuyên khảo mới và hoàn chỉnh về lý luận và pháp luật về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; thực trạng hoạt động phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về xuất

cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện ở Việt Nam trong tình hình hiện nay.

Nhìn tổng thể luận án đã đạt được những kết quả chính và cũng là những điểm mới của luận án như sau:

Thứ nhất, Nghiên cứu sinh đã đánh giá được tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài, ở trong nước liên quan đến đề tài luận án: nghiên cứu lý luận cơ bản về Tội phạm học, nghiên cứu liên quan đến phòng ngừa tội phạm; phòng ngừa tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.Từ đó nghiên cứu sinh đã xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết trong Luận án.

Thứ hai, Luận án đã trình bày, phân tích những vấn đề lý luận và pháp luật về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt nam thực hiện ở nước ta.

Luận án đã trình bày khái niệm, đặc điểm, vai trò của phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; phân tích nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

Chương 2 Luận án đã đánh giá, phân tích tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; thực tiễn tổ chức các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót của hoạt động này.

Những phân tích, trình bày của nghiên cứu sinh trong chương 2 Luận án là những điểm mới về mặt khoa học, thể hiện nghiên cứu sinh đã chịu khó đào sâu nghiên cứu, học hỏi, tìm tòi nên đã nắm vững những kiến thức cơ bản của Khoa học Luật nói chung, chuyên ngành Tội phạm học và phòng

ngừa tội phạm nói riêng, từ đó đã có nhiều đề xuất khoa học mới và tốt trong các Chương sau của Luận án.

Thứ ba, Chương 3 Luận án đã dự báo tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện và đề xuất 05 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện ở Việt Nam.

Người nhận xét đánh giá trân trọng các nhóm giải pháp của nghiên cứu sinh, nhất là các giải pháp về hoàn thiện pháp luật; các giải pháp phòng ngừa chuyên biệt.

Đây là những kiến nghị, đề xuất có giá trị khoa học trong việc phát triển Khoa học Luật và chỉ đạo thực tiễn ở nước ta trong thực hiện Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 của Chính phủ; Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Chiến lược An ninh quốc gia; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển. Đây cũng là những điểm mới về khoa học của Luận án.

4-Trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án, nghiên cứu sinh đã công bố 05 bài báo khoa học liên quan tới chủ đề Luận án đăng trên các Tạp chí chuyên ngành pháp luật. Các bài báo có nội dung tốt và phù hợp với chủ đề luận án. Điều này thể hiện quá trình lao động khoa học của nghiên cứu sinh.

Qua nghiên cứu cho thấy Bản tóm tắt luận án đã phản ánh trung thành và đầy đủ các nội dung của luận án.

5-Về hạn chế :

Luận án không có thiếu sót gì lớn ảnh hưởng tới chất lượng của một luận án tiến sỹ. Tuy nhiên người nhận xét mong muốn trong tương lai tác giả sẽ dành thời gian nghiên cứu sâu hơn vấn đề tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, có yếu tố nước ngoài liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện đang có xu hướng gia tăng ở Việt Nam hiện nay, nhất là các tội phạm: Mua bán người xuyên quốc gia; Đưa người đi lao động bất hợp pháp ở nước ngoài; Lừa đảo trực tuyến xuyên biên giới; Vận chuyển ma túy quốc tế; Rửa tiền và chuyển tiền bất hợp pháp; Tổ chức đánh bạc, cá độ xuyên quốc gia. Đặc điểm nổi bật là các loại tội phạm này ngày càng sử dụng công nghệ số, mạng xã hội, ứng dụng mã hóa liên lạc và hoạt động theo mô hình mạng lưới quốc tế, khiến việc phòng ngừa, phát hiện, điều tra và xử lý rất phức tạp.

6-Kết luận :

Luận án của nghiên cứu sinh Trần Văn Hậu đã đảm bảo các yêu cầu cơ bản của một Luận án tiến sĩ, có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu sinh Trần Văn Hậu xứng đáng được nhận học vị tiến sĩ. Đề nghị Trường Đại học Luật Hà Nội cho phép bảo vệ Luận án cấp Trường và cấp bằng Tiến sĩ Luật học cho nghiên cứu sinh Trần Văn Hậu.

XÁC NHẬN **NGƯỜI NHẬN XÉT – ỦY VIÊN PHẢN BIỆN 1**

PGS.TS Đỗ Cảnh Thìn **GS.TS Nguyễn Xuân Yêm**

NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

ĐỀ TÀI: PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Chuyên ngành: **Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm**

Mã số chuyên ngành: **9.38.01.05**

Của NCS. Trần Văn Hậu

Người nhận xét: GS.TS. Võ Khánh Vinh

Trường Đại học Kiểm sát

Sau khi đọc xong các tài liệu được gửi đến, gồm bản luận án, tóm tắt luận án, minh chứng các công trình nghiên cứu có liên quan, thông tin về những kết luận mới của luận án tiến sĩ, tôi có những nhận xét sau đây.

1. Về tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- Tôi đồng ý với cách lập luận của NCS về tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án.

- Đồng thời cần nhấn mạnh thêm rằng, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, lao động, học tập, du lịch và cư trú ở nước ngoài của công dân gia tăng, trong khi tình trạng xuất nhập cảnh trái phép, sử dụng giấy tờ giả, tổ chức, môi giới đưa người qua biên giới trái phép và các hành vi liên quan có xu hướng diễn biến phức tạp, gắn với tội phạm xuyên quốc gia, mua bán người, lừa đảo, công nghệ cao và những thách thức mới đối với quản lý biên giới, quản lý dân cư và an ninh quốc gia, việc nghiên cứu phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện đặt ra yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn trong giai đoạn hiện nay, đồng thời có ý nghĩa trực tiếp đối với việc nhận diện nguyên nhân, điều kiện, phương thức phạm tội, hoàn thiện pháp luật và cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực dự báo, phòng ngừa từ sớm, từ xa, bảo đảm an ninh, trật tự và quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

2. Về sự phù hợp giữa nội dung nghiên cứu với tên đề tài luận án và mã số chuyên ngành

Nội dung nghiên cứu, từ luận chứng lý do chọn đề tài, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, kết quả nghiên cứu trong 3 chương

và tổng thể phù hợp tên đề tài nghiên cứu: ***Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện***, với chuyên ngành đào tạo: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, mã số chuyên ngành: 9.38.01.05.

3. Về sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án so với các công trình khoa học, luận văn, luận án đã công bố

Theo hiểu biết của tôi, tên đề tài nghiên cứu, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án tiếp tục phát triển sáng tạo các tri thức đã có trước đó, tạo ra tri thức mới mang tính chất đa ngành, liên ngành về chủ đề nghiên cứu: *phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện,* đóng góp cho sự phát triển lý luận phòng ngừa tội phạm nói chung, nhất là lý luận về phòng ngừa tội phạm nhóm nói riêng.

4. Về tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo đa dạng, phong phú, bao gồm 214 tài liệu, trong đó có 209 tài liệu tiếng Việt, 5 tài liệu tiếng nước ngoài, 20 bảng phụ lục và sơ đồ, danh mục 316 bản án. Các tài liệu tham khảo đáng tin cậy, mang tính chuyên môn cao.

Trích dẫn tài liệu tham khảo trung thực, rõ ràng và đầy đủ với 131 trích dẫn. Điều này thể hiện sự làm việc nghiên túc, dày công, trung thực của tác giả.

Tôi đánh giá cao về 20 bảng phụ lục và sơ đồ mà luận án đã đưa ra, danh mục 316 bản án mà luận án đã sưu tập để luận giải, minh chứng và phục vụ cho các kết luận tương ứng của luận án.

5. Về độ tin cậy và tính hợp lý, hiện đại của phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu có độ tin cậy, hợp lý và hiện đại. Luận án đã sử dụng tốt lý luận phòng ngừa tội phạm với tư cách là lý luận mang tính phương pháp luận để giải quyết những vấn đề lý luận của luận án. Về các phương pháp cụ thể, trong từng chương tác giả nói rõ sử dụng những phương pháp cụ thể nào để giải quyết nội dung trong chương, bảo đảm việc nghiên cứu tuân thủ các phương pháp được sử dụng. Đây là thành công của tác giả trong việc sử dụng phương pháp luận và các phương pháp để giải quyết những nội dung mà luận án đặt ra.

6. Về đóng góp mới của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành, ý nghĩa khoa học, thực tiễn, giá trị và độ tin cậy của những đóng góp đó

Luận án có *đóng góp mới* cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành, có ý nghĩa khoa học, thực tiễn thể hiện ở việc tạo ra và khẳng định những hiểu biết đa ngành, liên ngành, mang tính hệ thống về *phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện*, góp phần làm sâu sắc hơn lý luận về phòng ngừa tội phạm, góp phần luận chứng những giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện trong bối cảnh mới.

Đó là những đóng góp đó có giá trị và độ tin cậy cao, bởi lẽ chúng được luận chứng chặt chẽ cả về mặt lý luận và thực tiễn.

7. Về ưu điểm, nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức của luận án; những vấn đề bổ sung, sửa chữa

7.1. Ưu điểm, hạn chế về nội dung:

- Phần tổng quan vấn đề nghiên cứu rất công phu, nội dung trình bày rõ ràng, mạch lạc với hai nội dung: 1) Tình hình nghiên cứu đề tài, bao gồm, các công trình nghiên cứu khoa học trong nước; các công trình nghiên cứu khoa học ngoài nước, được thực hiện một cách khái quát theo ba nhóm vấn đề để phục vụ cho thực hiện ba chương của luận án. Tôi đánh giá cao cách tổng quan tình hình nghiên cứu theo lôgic đó; và 2) Đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề luận án kế thừa, bổ sung, phát triển, bao gồm, đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề luận án kế thừa; những vấn đề luận án tiếp tục bổ sung, phát triển. Việc tổng quan tình hình nghiên cứu được tiến hành trên phương diện những vấn đề đã được nhận thức thống nhất trong các nghiên cứu và phát hiện ra những vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc nghiên cứu chưa đầy đủ cần được giải quyết trong luận án. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu rõ ràng, đầy đủ về lý luận, thực tiễn và giải pháp.

- Những vấn đề lý luận với 3 nội dung lớn với 9 nội dung cụ thể bao gồm: 1) Khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; 2) Cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; 3) Nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện. Những vấn đề lý luận nói trên được phân tích đầy đủ, hệ thống trong Chương 1 của Luận án.

Nếu ở chương 1 có một nội dung nói về mục tiêu của phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng thì sẽ đầy đủ hơn, toàn diện hơn. Nội dung phòng ngừa được

phân tích đầy đủ hơn, sâu sắc hơn thì sẽ nâng cao hơn nữa giá trị lý luận của đề tài.

- Thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện được phân tích theo một lôgic nhất quán ở Chương 2. Đó là, tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; thực tiễn tổ chức các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện. Trong chương này, tác giả đã thống kê, hệ thống hoá và đưa ra các số liệu cụ thể, có độ tin cậy để luận chứng cho các phân tích, kết luận về các nội dung cụ thể. Đây là một công việc rất công phu trong nghiên cứu, làm tiền đề, điều kiện cho việc đưa ra dự báo và các giải pháp tăng cường phòng ngừa được thực hiện ở chương 3 của luận án. Đây là chương mang tính thực tiễn, luân chứng cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp ở chương 3. Tôi đánh giá cao những kết qủa nghiên cứu của Chương này.

Tuy vậy, nếu tác giả có mục phân tích sâu hơn các nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện và mối quan hệ giữa thực tiễn tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện và việc khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm đó trong thực tiễn thì sẽ lôgic, chặt chẽ, biện chứng và thực tiễn hơn.

- Chương 3 Dự báo và các giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện, xét về triết lý phòng ngừa là đúng đắn, bởi lẽ đã gắn dự báo với phòng ngừa, tiếp cận tổng thể, toàn diện, đa cấp độ về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện. Năm nhóm giải pháp được đưa ra là tương đối đầy đủ, mang tính hiện đại. Nếu luận án đặt ra và nói đến một cách độc lập về biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thì sẽ mang tính hiện đại, phù hợp hơn với phòng ngừa tội phạm này trong kỷ nguyên mới. Đó là: Xây dựng và liên thông dữ liệu quốc gia; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn; đẩy mạnh Dịch vụ công trực tuyến và số hoá quy trình; đổi mới công tác tuyên truyền, cản báo sớm; giám sát kỹ thuật số khu vực biên giới...

7.2. Ưu điểm, hạn chế về kết cấu và hình thức của luận án

Luận án có kết cấu chặt chẽ, lôgic và hình thức rõ ràng, dễ theo dõi tư duy của tác giả về giải quyết những nhiệm vụ mà luân án đã đặt ra.

7.3. Những vấn đề bổ sung, sửa chữa

Đề nghị tác giả tham khảo những nhận xét trên đây để bổ sung, chỉnh sửa luận án để nâng cao hơn nữa chất lượng của luận án.

8. Sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố, nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh

Tác giả có 6 công trình khoa học liên quan trực tiếp đến luận án. Các bài báo đó thể hiện kết quả nghiên cứu luận án của tác giả, có chất lượng, được đăng ở các tạp chí chuyên ngành có uy tín.

9. Bản tóm tắt luận án có phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án hay không

Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định.

Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án phản ánh đúng những nội dung đã nghiên cứu trong luận án.

10. Kết luận: Luận án của NCS Trần Văn Hậu đã đáp ứng các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ luật học, có thể đưa ra bảo vệ trước Hội đồng cấp Trường. Các lưu ý nói trên, nếu được chỉnh sửa, bổ sung sẽ nâng cao hơn nửa chất lượng của luận án.

XÁC NHẬN CHỮ KÝ

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TC-HC

Đỗ Xuân Sơn

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2026

Người phản biện

GS.TS. Võ Khánh Vinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Hội đồng đánh giá luận án cấp trường)

Tên đề tài luận án: "Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện"

Nghiên cứu sinh: Trần Văn Hậu

Ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. Mã số: 9 38 01 05

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Cao Thị Oanh; TS. Nguyễn Khắc Hải

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội

Người nhận xét: TS. Hoàng Xuân Châu - Phản biện 3

Chức danh, đơn vị công tác: Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Luật Hà Nội

Bản nhận xét này được lập trên cơ sở bản luận án đã chỉnh sửa mà nghiên cứu sinh nộp ngày 03/9/2026 (179 trang chính văn, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục) cùng Báo cáo chỉnh sửa kèm theo, thay thế bản nhận xét ngày 30/8/2026 đối với bản luận án nộp ngày 20/8/2026. Số trang dẫn dưới đây là số in trên từng trang của bản luận án ngày 03/9/2026.

1. Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án

Đề tài có tính cấp thiết rõ ràng từ phía thực tiễn. Theo số liệu luận án tổng hợp, trong giai đoạn 2018-2025 Toà án các cấp đã xét xử 1.497 vụ với 2.876 bị cáo về các tội quy định tại các điều 347, 348, 349 và 350 Bộ luật Hình sự (tr.71; Bảng 4, tr.200-201); nhóm tội này gắn với hoạt động của các đường dây đưa người di cư trái phép (smuggling of migrants) xuyên quốc gia, với những hậu quả nghiêm trọng về tính mạng, tài sản của công dân và quan hệ đối ngoại. Về mặt lí luận, tổng quan tình hình nghiên cứu (tr.10-28) cho thấy các công trình đã công bố chủ yếu tiếp cận một tội cụ thể, theo chức năng của một lực lượng hoặc trên một địa bàn, nên việc nghiên cứu phòng ngừa cả nhóm tội trên phạm vi cả nước, dưới góc độ tội phạm học, là hướng đi có khoảng trống để lấp.

Tính thời sự của luận án vẫn bị giảm ở hai điểm đã nêu trong bản nhận xét trước mà bản chỉnh sửa chưa xử lí. Thứ nhất, luận án tiếp tục viện dẫn Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo bản "sửa đổi, bổ sung năm 2023" (tr.30, 49, 96, 127), chưa cập nhật Luật số 118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự, trong đó Điều 3 sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, cũng như văn bản hợp nhất số 71/VBHN-VPQH ngày 25/3/2026. Thứ hai, Ban Chỉ đạo 138/CP vẫn được trình bày như một thiết chế đang vận hành (tr.94), trong khi Ban này đã được giải thể theo Quyết định số 938/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Ngược lại, luận án đã ghi nhận việc Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (tr.48) và cập nhật Nghị định số 282/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định số 144/2021/NĐ-CP (tr.50, 130, 151).

2. Sự phù hợp giữa nội dung nghiên cứu với tên đề tài và mã số ngành đào tạo

Nội dung ba chương bám sát kết cấu quen thuộc của một luận án chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (lí luận, thực tiễn, dự báo và giải pháp) và phù hợp với mã số 9 38 01 05. Về tên đề tài, hai điểm nêu trong bản nhận xét trước vẫn chưa được làm rõ. Một là, Điều 347 Bộ luật Hình sự quy định hai tội (tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh và tội ở lại Việt Nam trái phép); luận án khi xác định phạm vi (tr.4, tr.30) chỉ gọi tên tội thứ nhất mà không luận giải vì sao tội thứ hai, về logic không thể do công dân Việt Nam thực hiện, được hay không được đưa vào phạm vi. Hai là, giới hạn "do công dân Việt Nam thực hiện" chỉ được dùng để xác định chủ thể của tội phạm; trong khi đó, hơn hai phần ba số bản án khảo sát thuộc Điều 348 và các ví dụ điển hình đều là tổ chức cho người nước ngoài nhập cảnh, ở lại Việt Nam trái phép (tr.76-77, 113-116). Luận án chưa phân tách 2.819 người được tổ chức xuất nhập cảnh trái phép theo quốc tịch, nhưng lại phân bố họ theo sáu vùng của Việt Nam (Bảng 17, tr.207) và diễn giải mục đích của họ là "tìm việc làm, lao động trái phép" ở nước ngoài (tr.81; Bảng 16, tr.206). Khoảng cách giữa tên đề tài, dữ liệu và diễn giải này cần được nghiên cứu sinh làm rõ tại buổi bảo vệ.

3. Sự không trùng lặp so với các công trình đã công bố; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn

Về sự không trùng lặp: qua đối chiếu với các công trình mà người nhận xét tiếp cận được, chưa phát hiện luận án tiến sĩ nào trùng đề tài; các công trình gần nhất được chính luận án điểm tại tr.12-16 (luận án của Lê Văn Đại năm 2024, đề tài cấp Bộ của Phạm Quốc Dũng năm 2024, đề tài cấp trường của Mai Thị Thanh Nhung năm 2023) có phạm vi hẹp hơn. Nhận định này không thay thế kết quả kiểm tra bằng phần mềm chuyên dụng của cơ sở đào tạo.

Về trích dẫn: nghiên cứu sinh đã tiếp thu ý kiến của người nhận xét, thay toàn bộ các viện dẫn văn bản của Quốc hội, Chính phủ và chính quyền địa phương bị gán sai nội dung ở tiểu mục 2.2.1 (tr.90-96) và ở các tr.106-108 bằng những văn bản khác. Người nhận xét đã đối chiếu lại các viện dẫn mới với văn bản gốc. Phần lớn đã đúng: câu trích gán cho Nghị quyết số 96/2019/QH14 (tr.91) có nguyên văn tại điểm a khoản 1 Điều 2 của nghị quyết; câu trích gán cho Nghị quyết số 110/2023/QH15 (tr.92-93) đúng với mục 4 của nghị quyết; Nghị quyết số 225/NQ-CP (tr.94), Quyết định số 59/2004/QĐ-TTg (tr.94), Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An (tr.93), Công văn số 3159/UBND-TH của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu (tr.95), Quyết định số 2920/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An (tr.107) đều có thật và về cơ bản được dẫn đúng nội dung. Tuy nhiên, vẫn còn một số sai lệch cần sửa: (1) câu trích từ Nghị quyết số 103/2023/QH15 (tr.92-93) bỏ mất cụm "nhất là", làm câu "tập trung trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma tuý..." thành "tập trung trấn áp các loại tội phạm ma tuý..."; (2) nội dung "chủ động phòng ngừa, tiếp tục làm giảm tội phạm, năm sau giảm so với năm trước" thuộc phần "mục tiêu, yêu cầu cụ thể" của Chương trình ban hành kèm Quyết định số 1944/QĐ-TTg, không phải "mục tiêu tổng quát" như tr.94 nêu; (3) Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 được gọi là "Quyết định số 68/NQ-CP" (tr.94); (4) chú thích 74 (tr.106) dẫn bản tin của INTERPOL năm 2019 về Chiến dịch Sunbird IV để minh hoạ việc Bộ Công an tham gia Chiến dịch Storm Makers, trong khi Storm Makers là chiến dịch của các năm 2022 và 2023; (5) tại tr.114-115, chuyên án LC425 được mô tả là "đưa 22 đối tượng là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép" và "bắt giữ thêm 05 đối tượng", trong khi bài báo được dẫn ở chú thích 86 (tr.115) ghi 13 người Trung Quốc qua sáu lần đưa người, một đối tượng bị bắt và năm đối tượng ra đầu thú; (6) Quyết định số 2920/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An đặt mục tiêu phấn đấu giải quyết việc làm bình quân 42.000 người mỗi năm, không

phải kết quả đã "hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho hơn 42.000 lao động mỗi năm" (tr.107); (7) chú thích 84 (tr.113) dẫn một bài đăng trên mạng xã hội Facebook làm nguồn cho vụ việc tại Kon Tum, là loại nguồn không phù hợp với luận án tiến sĩ; (8) Công văn số 1557/VKSTC-V1 vẫn được ghi là hướng dẫn áp dụng các điều 347, 348, 349 "BLHS năm 2025" (tr.100). Ngoài ra, bảy văn bản địa phương được thay vào mà người nhận xét chưa tra cứu được trên các cổng thông tin công khai, gồm Nghị quyết số 45/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang (tr.92-93), Báo cáo số 286/BC-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng (tr.93), Kế hoạch số 798/KH-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang, Kế hoạch số 87/KH-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kế hoạch số 1276-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kế hoạch số 2666/KH-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (tr.95) và Quyết định số 596/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (tr.107); việc chưa tra được không đồng nghĩa văn bản không tồn tại, nhưng nghiên cứu sinh cần cung cấp bản gốc hoặc đường dẫn chính thức cho Hội đồng.

4. Độ tin cậy và tính hợp lí, hiện đại của phương pháp nghiên cứu

Luận án tuyên bố hệ phương pháp phong phú (tr.4-7) và đã xây dựng được một cơ sở dữ liệu có giá trị: số liệu thống kê tám năm theo từng tội danh (Bảng 1-6, tr.200-201) và khảo sát 316 bản án với 614 bị cáo, 2.819 người được tổ chức xuất nhập cảnh trái phép (Bảng 8-18, tr.202-208). Đây là ưu điểm đáng ghi nhận. Bản chỉnh sửa đã khắc phục hai hạn chế về phương pháp: cơ số tội phạm được tính lại theo đơn vị 100.000 dân từ đủ 16 tuổi và có Bảng 21 công bố tử số, mẫu số (tr.72; tr.209-210); số liệu khởi tố, xét xử ở chính văn đã được đưa về thống nhất với Bảng 4 (tr.1, 99, 100, 116). Tuy nhiên, độ tin cậy của phương pháp còn những hạn chế sau.

Thứ nhất, danh mục 316 bản án khảo sát (tr.217-233) được giữ nguyên, nên các vấn đề đã nêu vẫn tồn tại: bốn bản án được liệt kê hai lần dưới hai điều luật khác nhau (số thứ tự 11 và 295, 12 và 297, 13 và 299 tại tr.217 và tr.232; 153 và 284 tại tr.224 và tr.231); 40 bản án là bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao xếp lẫn với bản án sơ thẩm, nên một vụ án có thể được đếm hai lần; mẫu được gọi là "khảo sát ngẫu nhiên" (tr.76) nhưng không mô tả khung chọn mẫu và phân bố theo năm (2018: 11; 2021: 51; 2025: 45 bản án) không tỉ lệ với tổng thể (Bảng 4: 49, 359 và 145 vụ xét xử). Vì mẫu chưa được làm sạch, mẫu số 316 và 614 của các Bảng 8-15 chưa thể coi là chắc chắn. Riêng Bảng 14 (tr.205) đã được sửa: cột

hình phạt bổ sung không còn "tịch thu tài sản" và chỉ còn 229 trên 614 bị cáo có hình phạt bổ sung; nghiên cứu sinh cần giải thích tại buổi bảo vệ số liệu mới được mã hoá lại từ nguồn nào.

Thứ hai, cách tính cơ số tội phạm tuy đã đúng đơn vị nhưng còn hai điểm chưa nhất quán: công thức ở tr.72 định nghĩa tử số là "tổng số vụ phạm tội", trong khi Bảng 21 dùng số bị can mới khởi tố (73, 129, 409... người); mẫu số "đơn vị dân cư" (65,8 triệu năm 2018, 69,1 triệu năm 2019, 77,23 triệu năm 2025) không ghi nguồn và có bước tăng 3,3 triệu người chỉ trong một năm 2018-2019, khó phù hợp với biến động dân số. Đoạn về phần ẩn của tình hình tội phạm (tr.72-73) đã được viết lại thận trọng hơn, nhưng vẫn dùng chênh lệch giữa số vụ khởi tố và số vụ xét xử làm dẫn chứng ngay sau khi phân loại ẩn thống kê, ẩn khách quan, ẩn chủ quan, và vẫn xếp loại tội phạm này ở "cấp độ II" mà không có dữ liệu ước lượng; về lí luận, vụ án đã khởi tố là tội phạm đã được phát hiện, chênh lệch này phản ánh độ trễ tố tụng và việc đình chỉ, tách nhập vụ án chứ không phải tội phạm ẩn.

Thứ ba, việc thống nhất số liệu được thực hiện bằng cách thay các con số của Viện kiểm sát và Bộ Công an bằng số cộng từ Bảng 4 (nguồn ghi là Văn phòng Toà án nhân dân tối cao), nên các câu như "Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã phê chuẩn khởi tố 1.236 vụ án, 2.397 bị can" (tr.100) hay "trên toàn quốc đã phát hiện, khởi tố 947 vụ án hình sự, với 1.834 bị can" (tr.116) hiện không còn nguồn thống kê riêng của các cơ quan đó; nghiên cứu sinh nên ghi rõ nguồn hoặc diễn đạt lại. Một số số liệu khác vẫn chưa khớp: tr.1 ghi bình quân "187,3 vụ án và 359,6 bị cáo" mỗi năm, trong khi tr.71 và Bảng 4 là 187,1 và 359,5; Bảng 20 (tr.209) ghi trung bình lượt người nước ngoài xuất nhập cảnh là 16,62 triệu trong khi cộng tám năm rồi chia tám cho kết quả 15,62 triệu; số liệu năm 2025 của Bảng 20 (18,47 triệu lượt công dân Việt Nam và 22,13 triệu lượt người nước ngoài) không khớp với số Bộ Công an công bố ngày 30/3/2026 (9,70 triệu lượt công dân Việt Nam ra nước ngoài và 19,98 triệu lượt người nước ngoài đến Việt Nam); tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở Bảng 19 (tr.208) đã được sửa nhưng năm 2022 và 2025 vẫn lệch với số Cục Thống kê công bố (2,32% năm 2022; 2,22% và 1,65% năm 2025).

Thứ tư, phương pháp chuyên gia được tuyên bố với vai trò kiểm chứng luận cứ và làm cơ sở dự báo (tr.7) nhưng chính văn vẫn không có thông tin về số lượng chuyên gia, công cụ tham vấn và kết quả.

5. Kết quả nghiên cứu chính và đóng góp mới của luận án

Kết quả có giá trị nhất của luận án là bức tranh thực nghiệm về nhóm tội phạm này: cơ cấu tội danh (Điều 348 chiếm 70,41% số vụ; Điều 350 không có vụ nào, tr.76); hình thức đồng phạm 79,43%; phương thức qua đường mòn, lối mở 57,59% (tr.76-77); đặc điểm nhân thân người phạm tội và người được tổ chức xuất nhập cảnh trái phép (tr.78-82); nhận diện các vướng mắc trong định tội danh giữa Điều 348 và Điều 349, trong thẩm quyền của lực lượng quản lí xuất nhập cảnh và trong pháp luật xử phạt hành chính (tr.121-130). Một số kiến nghị có cơ sở: nâng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh lên 02 năm (tr.150-151); bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với các tội tại Điều 348, 349 (tr.152); bổ sung thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ cho cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tại Điều 110 và Điều 117 Bộ luật Tố tụng hình sự (tr.154); gia nhập Nghị định thư chống đưa người di cư trái phép năm 2000 (tr.155).

Về những đóng góp mới mà luận án tuyên bố (tr.8), người nhận xét giữ ba nhận xét đã nêu, vì bản chỉnh sửa chưa xử lí. Một là, "khung lí luận" gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, cơ sở, nguyên tắc, nội dung, chủ thể, biện pháp là bộ khung chung của lí luận phòng ngừa tội phạm được áp vào một nhóm tội; các lí thuyết được nêu ở tr.35-36 (trường phái cổ điển, thực chứng, xã hội học, thuyết cơ hội phạm tội, thuyết lựa chọn duy lí, thuyết hoạt động thường nhật) vẫn chỉ được điểm danh, không được vận hành để giải thích dữ liệu ở Chương 2 hay để suy ra giải pháp ở Chương 3. Khái niệm phòng ngừa được chọn theo nghĩa hẹp ở tr.38-39, nhưng nội dung phòng ngừa ở mục 1.3.1 (tr.55) và mục 2.3.5 về điều tra, xử lí (tr.116-119) lại theo nghĩa rộng. Hai là, nhận định "công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách cơ bản, bao quát" (tr.8) mới chỉ được thay một từ so với bản trước và vẫn cần diễn đạt lại cho phù hợp với tổng quan. Ba là, một số kiến nghị lập pháp chưa mới hoặc chưa đối thoại với pháp luật hiện hành: đề xuất "bãi bỏ Điều 348" bằng cách gộp hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép với hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài (tr.151-152) đã được các tác giả Nguyễn Hữu Quyền (2022) và Nguyễn Thị Thanh Thuỳ (2023) nêu và chính luận án đã điểm ở tr.16-17, hơn nữa vẫn không nói rõ hành vi tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh, ở lại Việt Nam trái phép, là nhóm hành vi chiếm phần lớn mẫu khảo sát, sẽ được quy định ở đâu. Đề xuất hướng dẫn phân biệt

Điều 348 với Điều 349 và xác định thời điểm tội phạm hoàn thành (tr.152-153) vẫn không phân tích Công văn số 1557/VKSTC-V1 ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, văn bản đã hướng dẫn hai nội dung này và được chính luận án nhắc đến ở tr.100. Nghiên cứu sinh đã bỏ đề xuất "cụ thể hoá tại Điều 40 Bộ luật Tố tụng hình sự", nhưng tr.154 vẫn nhận định Điều 40 "chưa quy định đầy đủ, rõ ràng" về khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ và bảo quản vật chứng, trong khi khoản 2 Điều 40 (văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH) đã trao các quyền này; vướng mắc thực chất nằm ở thẩm quyền tạm giữ và quy trình, như chính luận án phân tích tiếp ở đoạn sau. Tên đạo luật chuyên biệt đã được thống nhất là "Luật Phòng, chống xuất nhập cảnh trái phép" (tr.131, 154-155), nhưng sự cần thiết của đạo luật này vẫn chưa được luận giải khi tr.50 kết luận hệ thống pháp luật hiện hành đã "cơ bản thống nhất".

6. Việc tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến nhận xét

Hồ sơ lần này có Báo cáo chỉnh sửa của nghiên cứu sinh, trình bày dưới dạng bảng ba cột (trang, nội dung cần chỉnh sửa, nội dung đã chỉnh sửa) với khoảng ba mươi mục. Đối chiếu báo cáo này với bản luận án ngày 03/9/2026 và với sáu nội dung sửa chữa bắt buộc trong bản nhận xét ngày 30/8/2026, người nhận xét ghi nhận như sau.

Thứ nhất, các nội dung đã tiếp thu: thay toàn bộ các viện dẫn sai ở tiểu mục 2.2.1 và các tr.106-108; sửa Bảng 14 về hình phạt bổ sung; sửa số điều của Chương XXII và của nhóm tội (tr.1, 30, 48); bổ sung dấu hiệu "đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm" vào định nghĩa ở tr.31; sửa cơ số tội phạm và bổ sung Bảng 21; thống nhất số liệu khởi tố, xét xử giữa chính văn và Bảng 4; sửa số người bị xử phạt và số tổ chức theo Bảng 7 (tr.114-115); sửa số lượt xuất nhập cảnh ở tr.87; sửa chiều dài biên giới (tr.83) và nguồn dẫn vụ 39 người tử vong tại Anh (tr.71); thống nhất tên đạo luật đề xuất; xác định Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao là chủ thể ban hành nghị quyết hướng dẫn (tr.152); bỏ đề xuất cụ thể hoá Điều 40 và bỏ số liệu "15.000 tỷ đồng" của Hà Tĩnh; sửa các lỗi "Marcus Felson", "thiếu sót", số hiệu Nghị định 144/2021 và Nghị định 282/2025, đuôi "?utm" trong địa chỉ web, các mục tài liệu tham khảo ghi sai năm; giảm bớt các từ ngữ đánh giá.

Thứ hai, các nội dung mới tiếp thu một phần: đoạn về phần ẩn của tình hình tội phạm được viết lại nhưng vẫn giữ lập luận cũ (mục 4); Bảng 19 được sửa

nhưng vẫn lệch với số công bố; vụ việc tại Kon Tum chỉ được thay nguồn dẫn bằng một bài đăng Facebook mà giữ nguyên nội dung "15 công dân Trung Quốc" (tr.113); Báo cáo chỉnh sửa ghi đã sửa số liệu Thẩm phán ở tr.99 nhưng hai cột trước và sau chỉnh sửa giống hệt nhau và bản luận án vẫn ghi "220 Thẩm phán TAND tối cao và Thẩm phán cao cấp" (tr.99); việc thay thế các từ "toàn diện", "sâu sắc", "đầy đủ" được làm cơ học, để lại những câu khuyết từ như "đánh giá đầy , khách quan" (tr.6), "nghiên cứu cơ bản, bao những vấn đề" (tr.8), "đánh giá bao , khách quan" (tr.25), "thống nhất, đầy cho công tác" (tr.50), "gia ăng đột biến", "745 bị c (Biểu đồ 14" (tr.84).

Thứ ba, các nội dung chưa tiếp thu và Báo cáo chỉnh sửa cũng không giải trình lí do: làm sạch danh mục 316 bản án, xác định đơn vị phân tích và tính lại các Bảng 8-18 (nội dung sửa chữa bắt buộc số 2); cập nhật Luật số 118/2025/QH15 và tình trạng của Ban Chỉ đạo 138/CP (nội dung số 1); thống nhất khái niệm phòng ngừa và vận hành lí thuyết đã chọn (nội dung số 3); hoàn chỉnh phương án sửa Điều 348, 349 và đối thoại với Công văn số 1557/VKSTC-V1 (nội dung số 4); kê khai lại công trình công bố kèm minh chứng (nội dung số 6); làm rõ phương pháp chuyên gia; làm rõ quốc tịch của 2.819 người được tổ chức xuất nhập cảnh trái phép và phạm vi hai tội tại Điều 347; sửa "BLHS năm 2025" ở tr.100; sửa số trung bình ở Bảng 20; Biểu đồ 14 vẫn được đánh số hai lần (tr.216) trong khi chính văn dẫn "Biểu đồ 15" cho cơ số tội phạm (tr.72); tài liệu tham khảo số 91 vẫn ghi "Erikson Erik (1994), Thuyết xã hội - tâm lý người Đức" (tr.188). Nhìn chung, nghiên cứu sinh đã tiếp thu nghiêm túc các lỗi cụ thể về viện dẫn, số liệu và hình thức, nhưng những yêu cầu đòi hỏi làm lại một phần dữ liệu và lập luận thì chưa được thực hiện. Người nhận xét cũng lưu ý Báo cáo chỉnh sửa chưa ghi số trang cũ và số trang mới của từng nội dung, gây khó khăn cho việc đối chiếu.

7. Ưu điểm, nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức; những vấn đề cần làm rõ tại buổi bảo vệ

Về ưu điểm: đề tài có ý nghĩa thực tiễn; kết cấu ba chương hợp lí, các chương có kết luận riêng; nghiên cứu sinh đã tập hợp được khối lượng lớn số liệu thống kê và bản án, cập nhật được một số văn bản và thay đổi tổ chức mới (Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2025, Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, mô hình Toà án ba cấp, việc bỏ Công an cấp huyện); phần nhận diện vướng mắc pháp luật ở tr.127-130

và một số kiến nghị nêu tại mục 5 có giá trị tham khảo cho cơ quan có thẩm quyền; việc tiếp thu, sửa chữa sau vòng nhận xét trước cho thấy thái độ cầu thị.

Về nhược điểm, ngoài các vấn đề đã nêu tại các mục 3, 4, 5 và 6, người nhận xét lưu ý thêm hai điểm. Thứ nhất, về lí luận, các mục về cơ sở chính trị, chủ thể và nguyên tắc (tr.44-66) còn dài và mang tính mô tả, trong khi phần giải thích nguyên nhân (tr.83-90) liệt kê các nhóm nguyên nhân ngang hàng, chưa phân biệt nguyên nhân với điều kiện, chưa xây dựng cơ chế nhân quả gắn với lí thuyết đã chọn; các giải pháp ở Chương 3 mới nối với phát hiện của Chương 2 bằng câu dẫn, ví dụ giải pháp thống nhất đầu mối quản lí, kiểm soát xuất nhập cảnh (tr.146-148) không dựa vào dữ liệu của luận án. Thứ hai, về hình thức, bên cạnh các câu khuyết từ do sửa chữa cơ học đã nêu ở mục 6, luận án còn một số lỗi kĩ thuật, ví dụ "CDCN" thay vì "CDVN" (tr.89, 133), "trong đói" (tr.93), "nghiệm trọng" (tr.94), "định hướng đến năm 20230" (tr.108), "trương đối" (tr.151); cụm từ "các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện" xuất hiện với mật độ rất cao cùng hệ viết tắt dày đặc làm văn bản khó theo dõi; danh mục bản án ở phụ lục để lộ họ tên đầy đủ của bị cáo ở một vài dòng (số thứ tự 153, tr.224; số thứ tự 295, tr.232) trong khi các dòng khác đã viết tắt.

Những vấn đề nghiên cứu sinh cần làm rõ tại buổi bảo vệ:

(1) Trong 2.819 người được tổ chức xuất nhập cảnh trái phép của mẫu khảo sát, bao nhiêu người là công dân Việt Nam và bao nhiêu người là người nước ngoài; nếu không tách được thì các kết luận ở tr.81-82, tr.89-90 và Bảng 16, 17 về mục đích "tìm việc làm, lao động trái phép" và địa bàn theo vùng của Việt Nam dựa trên cơ sở nào?

(2) Bốn bản án được liệt kê hai lần và 40 bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao trong danh mục 316 bản án ảnh hưởng thế nào đến mẫu số của các Bảng 8-15; Bảng 14 mới (229 bị cáo có hình phạt bổ sung, trong đó 213 bị phạt tiền) được mã hoá lại từ những bản án nào và 16 trường hợp "hình phạt bổ sung khác" là hình phạt gì?

(3) Mẫu số "đơn vị dân cư" ở Bảng 21 lấy từ nguồn nào, vì sao tăng từ 65,8 triệu năm 2018 lên 69,1 triệu năm 2019; vì sao tử số là số bị can khởi tố trong khi công thức ở tr.72 nêu "tổng số vụ phạm tội"?

(4) Nếu bãi bỏ Điều 348, hành vi tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, là nhóm chiếm hơn hai phần ba số bản án khảo sát,

sẽ được xử lí theo điều nào; và kiến nghị hướng dẫn thời điểm tội phạm hoàn thành ở tr.153 khác gì với hướng dẫn tại Công văn số 1557/VKSTC-V1?

8. Các công trình đã công bố của nghiên cứu sinh

Danh mục công trình (tr.180) được giữ nguyên so với bản trước. Năm bài trên Tạp chí Khoa học Kiểm sát (số 04/2024), Tạp chí Luật học (số 11/2024), Tạp chí Quản lý nhà nước (số 02/2025 và số 11/2025) và Tạp chí Kiểm sát (số 05/2025) được xác nhận đã đăng, nội dung phản ánh trực tiếp các kết quả của luận án về định tội danh, xử lí vi phạm hành chính, điều tra xử lí, quản lí nhà nước và giải pháp phòng ngừa; các tạp chí này đều thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm ngành Luật học, nên về số lượng và chất lượng đã đáp ứng yêu cầu tại Điều 14 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT. Tuy nhiên, hai điểm đã nêu ở bản nhận xét trước chưa được sửa: số trang kê khai của bài trên Tạp chí Khoa học Kiểm sát (tr.16-20) và bài trên Tạp chí Luật học (tr.20-22) chưa đúng với bản in; bài thứ sáu trên "Tạp chí Law and Legislation" năm 2026 (tr.247-251) không ghi số phát hành, cơ quan xuất bản và người nhận xét vẫn không tìm thấy trên các nguồn tra cứu. Đề nghị nghiên cứu sinh xuất trình bản in các công trình tại buổi bảo vệ.

9. Kết luận

Luận án là công trình nghiên cứu nghiêm túc về một nhóm tội phạm có ý nghĩa thực tiễn, đã xây dựng được cơ sở dữ liệu thực nghiệm đáng kể, nêu được một số kiến nghị có giá trị, và sau vòng nhận xét trước đã khắc phục được phần lớn các lỗi về viện dẫn văn bản, số liệu và hình thức. Tuy nhiên, những nội dung đòi hỏi làm lại một phần dữ liệu và lập luận, gồm việc làm sạch mẫu bản án, cập nhật pháp luật hiện hành, vận hành khung lí thuyết và hoàn chỉnh các kiến nghị lập pháp, vẫn chưa được thực hiện. Với tư cách Phản biện 3, tôi đồng ý để nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, với điều kiện nghiên cứu sinh giải trình thoả đáng bốn vấn đề nêu tại mục 7 và hoàn thành các nội dung sửa chữa bắt buộc sau đây, có xác nhận của Hội đồng trước khi luận án được công nhận: (1) làm sạch danh mục bản án khảo sát, xác định rõ đơn vị phân tích, tính lại các Bảng 8-15 và các số liệu tương ứng trong chính văn; ghi nguồn mẫu số và thống nhất tử số của Bảng 21; viết lại đoạn về phần ẩn của tình hình tội phạm; (2) cập nhật Luật số 118/2025/QH15, văn bản hợp nhất số 71/VBHN-VPQH và tình trạng của Ban Chỉ đạo 138/CP; sửa các viện dẫn còn sai nêu tại

mục 3; cung cấp bản gốc hoặc đường dẫn chính thức của bảy văn bản địa phương chưa tra cứu được; (3) thống nhất khái niệm phòng ngừa tội phạm giữa mục 1.1.1 với mục 1.3.1 và mục 2.3.5, vận hành ít nhất một lí thuyết đã chọn trong phân tích nguyên nhân và xây dựng giải pháp; (4) hoàn chỉnh phương án sửa Điều 348, 349, đối thoại với Công văn số 1557/VKSTC-V1 và sửa nhận định về Điều 40 Bộ luật Tố tụng hình sự; (5) sửa các câu khuyết từ, lỗi kĩ thuật, Bảng 19, Bảng 20, Biểu đồ 14, số liệu ở tr.1 và tr.99, ẩn danh đầy đủ họ tên bị cáo trong phụ lục; (6) kê khai lại công trình công bố kèm minh chứng. Nếu các nội dung trên được hoàn thành, luận án đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức của một luận án tiến sĩ và nghiên cứu sinh xứng đáng được công nhận trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG TÁC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Trần Danh Phú

NGƯỜI NHẬN XÉT

TS. Hoàng Xuân Châu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2026

NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Đề tài: "Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện"

- Nghiên cứu sinh: Trần Văn Hậu
- Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm
- Mã số: 9380105
- Người nhận xét: PGS.TS. Đỗ Thị Phượng
- Chức vụ, đơn vị công tác: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Chức trách trong Hội đồng: Uỷ viên

Sau khi đọc và nghiên cứu luận án trên, tôi có nhận xét như sau:

1. Về tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam không ngừng gia tăng. Bên cạnh những tác động tích cực, tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm trong lĩnh vực này vẫn diễn biến phức tạp, với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, có tổ chức và mang tính xuyên quốc gia. Nhiều vụ việc có sự hỗ trợ của công nghệ, mạng xã hội và sự móc nối giữa các đối tượng trong nước với đối tượng ở nước ngoài, gây khó khăn cho hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý và phòng ngừa. Thực tiễn trên đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực của các lực lượng chức năng, tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống dưới góc độ tội phạm học.

Vì vậy, đề tài *"Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam" do* Trần Văn Hậu thực hiện được lựa chọn phù hợp với yêu cầu nghiên cứu của chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về phòng ngừa nhóm tội phạm này; cung cấp cơ sở khoa học cho việc đánh giá thực tiễn, dự báo tình hình và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa. Đồng thời, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, xây dựng chính sách, hoàn thiện pháp luật và tổ chức hoạt động phòng, chống tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh ở Việt Nam.

2. Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu:

Đề tài không có sự trùng lặp với các công trình đã công bố; các kết quả được trình bày là sản phẩm của nghiên cứu sinh.

3. Sự phù hợp giữa tên đề tài và nội dung, giữa nội dung với chuyên ngành và mã số chuyên ngành:

Tên đề tài cơ bản phù hợp với nội dung ba chương và chuyên ngành mã số 9380105.

4. Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp đã sử dụng để nghiên cứu:

Luận án sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu tài liệu, thống kê, phân tích, so sánh, nghiên cứu điển hình và phương pháp chuyên gia; đồng thời khai thác số liệu thống kê toàn quốc và 316 bản án. Cách tiếp cận này phù hợp với đề tài.

5. Những kết luận mới trong luận án:

Luận án đã hệ thống hóa và bước đầu xây dựng khung lý luận về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; làm rõ khái niệm, đặc điểm, cơ sở, nguyên tắc, chủ thể, biện pháp và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa.

Luận án sử dụng số liệu giai đoạn 2018-2025 và mẫu bản án để mô tả mức độ, cơ cấu, diễn biến, phương thức, địa bàn và một số đặc điểm nhân thân; đồng thời đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong thực tiễn phòng ngừa.

Trên cơ sở đó, luận án đưa ra dự báo và đề xuất các nhóm giải pháp về lực lượng, pháp luật, phòng ngừa xã hội, phòng ngừa chuyên biệt, phối hợp và hợp tác quốc tế.

6. Những hạn chế của luận án

6.1. Về mặt hình thức:

Luận án còn một số lỗi chính tả, dùng từ và kỹ thuật trình bày cần rà soát, chẳng hạn: "thiết sót" (tr. 26), "chinh sách" (tr. 73), "khó kiểm sát" thay vì "khó kiểm soát" (tr. 78); sử dụng các chữ viết tắt XNC/XCNC và một số thuật ngữ "phòng ngừa xã hội/phòng ngừa chung", "phòng ngừa nghiệp vụ/phòng ngừa chuyên biệt" chưa hoàn toàn thống nhất. Phụ lục còn nhiều lỗi kỹ thuật: có hai biểu đồ cùng mang số 14 trong khi nội dung luận án dẫn "Biểu đồ 15"; xuất hiện "Biểu đổ 5", "Biểu đổ 11"; tiêu đề Bảng 18.1 viết "XUẤT CẢH"; cột đầu của Bảng 18.2 và Bảng 18.3 đều ghi "Giới tính" trong khi nội dung lần lượt là nhóm tuổi và nghề nghiệp. Một số bảng, biểu đồ chưa ghi đầy đủ nguồn hoặc cách tính; cách ghi chú thích, đường dẫn và dấu câu trong tài liệu tham khảo chưa thống nhất. Một số đoạn dài, lặp lại nhận định "phức tạp, khó lường", cần rút gọn và tăng câu chuyển ý. Đề nghị NCS rà soát lại lỗi chính tả, kỹ thuật của luận án.

6.2. Về mặt nội dung:

- Phần phương pháp nghiên cứu: Phương pháp chuyên gia chưa nêu số lượng, tiêu chí lựa chọn chuyên gia, công cụ tham vấn và cách tổng hợp ý kiến, do đó, tính đại diện và khả năng kiểm chứng của một số kết luận còn hạn chế.

- NCS cần kiểm tra lại cách tính và diễn giải tại một số biểu đồ như Biểu đồ 15 và các số trung bình cũng chưa thống nhất giữa phần Mở đầu (187,3 vụ; 359,6 bị cáo) và Chương 2 (187,1 vụ; 359,5 bị cáo).

- Một số nhận định về các tội phạm này thuộc "cấp độ II" của tội phạm ẩn (tr. 73-74) chưa có đủ căn cứ thực chứng. Chênh lệch giữa số vụ khởi tố và số vụ xét xử phản

ánh quá trình xử lý tố tụng, không đồng nhất với phần tội phạm chưa bị phát hiện hoặc chưa được báo cáo. Cần tách rõ tội phạm ẩn với hao hụt vụ án trong tố tụng và chỉ kết luận trong giới hạn dữ liệu.

- Chương 2 chủ yếu sử dụng số liệu tội phạm, xử lý vi phạm và mô tả hoạt động của các cơ quan để đánh giá thực tiễn phòng ngừa NCS chưa xây dựng tiêu chí đo lường kết quả hoặc hiệu quả phòng ngừa.

- Một số giải pháp ở Chương 3 còn rộng, mặc dù trùng với yêu cầu chung của công tác phòng, chống tội phạm nhưng chưa gắn trực tiếp từng giải pháp với hạn chế và nguyên nhân đã xác định ở Chương 2. NCS cần bám sát vào các hạn chế và nguyên nhân để chỉ rõ chủ thể, nguồn lực, lộ trình, chỉ số đánh giá và điều kiện pháp lý, luận án sẽ sâu sắc hơn.

- Đối với các giải pháp công nghệ, sinh trắc học và liên thông dữ liệu: NCS nên bổ sung và phân tích thêm về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền con người, an ninh hệ thống và khả năng áp dụng trong điều kiện Việt Nam.

7. Về các công trình khoa học của nghiên cứu sinh đã công bố trong thời gian đào tạo:

Nghiên cứu sinh đã công bố 06 công trình có liên quan trực tiếp đến đề tài luận án. Nội dung các công trình bao quát các vấn đề định tội danh, xử lý vi phạm, điều tra, quản lý nhà nước, giải pháp phòng ngừa và hợp tác quốc tế, đáp ứng yêu cầu công bố kết quả nghiên cứu liên quan đến luận án.

8. Kết luận chung:

Luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, có cấu trúc phù hợp và đã giải quyết cơ bản các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Luận án đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ luật học. Tôi đồng ý cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường.

Trường Đại học Luật Hà Nội
Xác nhận chữ ký

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Trần Danh Phú

Người viết nhận xét

PGS.TS. Đỗ Thị Phượng

NHẬN XÉT PHẢN BIỆN LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

của nghiên cứu sinh: **Trần Văn Hậu**

Về đề tài : ***Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện***

Chuyên ngành: **Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm**

Mã số: **9 38 01 05**

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Cao Thị Oanh**

2. TS. Nguyễn Khắc Hải

Người viết nhận xét: **PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Kiểm sát**

Trách nhiệm trong Hội đồng: **Ủy viên Hội đồng**

1. Về tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài của đề tài luận án

Xét trên các phương diện: tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu; thực trạng nhận thức lý luận; thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân thực hiện; nhu cầu tìm kiếm các giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm ở Việt Nam trong bối cảnh mới, người viết bản nhận xét phản biện này khẳng định đề tài luận án tiến sĩ *"Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện "* mà NCS. Trần Văn Hậu thực hiện có tính cấp thiết, tính thời sự; có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.

2. Về sự phù hợp giữa nội dung nghiên cứu với tên đề tài luận án và mã số chuyên ngành

Qua đối chiếu nội dung nghiên cứu đã thực hiện của luận án với tên đề tài luận án và với mã số chuyên ngành đào tạo, người viết bản nhận xét phản biện này khẳng định nội dung nghiên cứu của luận án phù hợp với tên đề tài luận án và phù hợp với mã số chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, là 9.38.01.05.

3. Về sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án so với công trình khoa học, luận văn, luận án đã công bố

Người viết bản nhận xét phản biện này khẳng định đề tài nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án không trùng lặp với các công trình khoa học, luận văn, luận án đã công bố ở trong nước và ngoài nước mà người nhận xét phản biện được biết.

4. Về tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo

Đề tài luận án được NCS. Trần Văn Hậu được thực hiện có trích dẫn khá nhiều tài liệu tham khảo. Việc trích dẫn tài liệu được NCS. Trần Văn Hậu thực hiện bảo đảm tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ theo quy định hiện hành.

5. Về độ tin cậy và tính hợp lý, hiện đại của phương pháp nghiên cứu đã sử dụng

Phương pháp nghiên cứu mà nghiên cứu sinh Trần Văn Hậu sử dụng để thực hiện đề tài luận án này có tính hiện đại, tính hợp lý và độ tin cậy cao.

6. Về đóng góp mới của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành, ý nghĩa khoa học, thực tiễn, giá trị và độ tin cậy của những đóng góp đó

Những đóng góp mới của luận án cho lĩnh vực khoa học tội phạm học thể hiện ở các kết quả nghiên cứu đã đạt được. Ở mức độ khái quát, luận án đạt được các kết quả nghiên cứu chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, luận án cơ bản đã hệ thống hoá và tổng quan có đánh giá được tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra được những vấn đề đã được nghiên cứu, những vấn đề chưa được nghiên cứu, những vấn đề được tiếp tục nghiên cứu, những vấn đề nghiên cứu mới trong luận án.

Thứ hai, luận án đã phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện;

Thứ ba, luận án cơ bản đã phân tích, đánh giá, làm rõ thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2025; chỉ ra được những kết quả, những hạn chế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Thứ năm, luận án cơ bản đã dự báo và đề xuất được một số giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần nhận thức đầy đủ, sâu sắc, thống nhất hơn về những vấn đề lý luận của phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện; nâng cao chất lượng phòng ngừa các tội phạm nói trên. Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập về tội phạm học và phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện, nói riêng.

7. Về ưu điểm, nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức của Luận án; những vấn đề cần bổ sung, sửa chữa

7.1. Về ưu điểm của luận án

- Luận án là công trình khoa học nghiên cứu khá toàn diện, khá chuyên sâu, khá hệ thống và logic về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện. Các nhận xét, kết luận được nêu trong luận án có độ tin cậy về mặt khoa học và thực tiễn.

- Luận án có kết cấu khá hợp lý, khá bao quát các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu; văn phong khá rõ ràng và khoa học.

7.2. Về nhược điểm của luận án (cần được cân nhắc để bổ sung, chỉnh sửa)

Luận án sẽ có chất lượng cao hơn, nếu:

Thứ nhất, thể hiện rõ ràng hơn mục đích nghiên cứu (trang 3), nhiệm vụ nghiên cứu thứ tư (trang 4), phương pháp chuyên gia (trang 7);

Thứ hai, bổ sung vào tổng quan tình hình nghiên cứu các công trình nghiên cứu ở cấp độ luận án tiến sĩ về phòng ngừa một nhóm tội, hay một tội cụ thể đã bảo vệ thành công tại các cơ sở đào tạo luật ở nước ta; thiết kế rõ ràng hơn các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu (trang 26-27);

Thứ ba, về lý luận, phân tích sâu sắc hơn đặc điểm phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (trang 40-42); phân tích đầy đủ hơn nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa (trang 53); phân tích đầy đủ và sâu sắc hơn nội dung phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (trang 55-56); bổ sung biện pháp chính trị - tư tưởng và biện pháp pháp luật vào các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (trang 67-70);

Thứ tư, về thực tiễn phòng ngừa, cần phân tích thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa theo hai nhóm là nhóm các biện pháp phòng ngừa xã hội và nhóm biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ (phòng ngừa chuyên biệt hay là chuyên môn) để logic với các biện pháp phòng ngừa đã nghiên cứu tại chương lý luận (chương 1); nội dung của mục 2.1 (trang 71) cần được đưa vào mục 2.4 "Kết quả đạt được...", theo đó coi tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện trong giai đoạn 2018-2025 như là kết quả phòng ngừa, đồng thời là hệ quả của phòng ngừa chưa tốt các tội phạm này, từ đó tìm ra nguyên nhân và điều kiện của chúng; coi những hạn chế trong phòng ngừa là một trong những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

Thứ năm, về dự báo và giải pháp tăng cường phòng ngừa, bổ sung nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện, (đã nghiên cứu tại chương 2) vào cơ sở của dự báo (trang 134); bổ sung giải pháp chính trị-tư tưởng và giả pháp văn hóa -xã hội vào các giải pháp tăng cường phòng ngừa (trang 155).

Thứ sáu, khắc phục một số lỗi diễn đạt, lỗi chính tả, lỗi kỹ thuật.

8. Về sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố, nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh

Người viết bản nhận xét phản biện này khẳng định 06 bài báo khoa học của NCS. Trần Văn Hậu đều công bố trên các tạp chí chuyên ngành luật học, đều phản ánh kết quả nghiên cứu của luận án và đều có chất lượng tốt.

9. Kết luận: Mặc dù còn có những nhược điểm nêu trên, song Luận án của NCS. Trần Văn Hậu cơ bản đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức của một luận án tiến sĩ. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung của luận án. Luận án có đủ điều kiện để được bảo vệ ở cấp Trường.

XÁC NHẬN CHỮ KÝ
KT. HIỆU TRƯỞNG

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Hoàng Anh Tuyên

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường được thành lập theo Quyết định số 1754/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội để đánh giá luận án tiến sĩ của NCS Trần Văn Hậu, với đề tài: *Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.*

Ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Mã số: 9380105.

Sau khi nghe NCS Trần Văn Hậu trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu, nghe các Uỷ viên phản biện đọc nhận xét về luận án, nghe Thư ký trình bày bản tổng hợp ý kiến nhận xét của các Uỷ viên Hội đồng về bản luận án cũng như ý kiến của 15 cơ quan và nhà khoa học về bản tóm tắt luận án, sau khi nghe nghiên cứu sinh thực hiện việc bảo vệ kết quả nghiên cứu luận án, Hội đồng đã thảo luận và nhất trí quyết nghị:

1. Kết quả bỏ phiếu đánh giá của HĐ về luận án tiến sĩ

- 07/07 thành viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá Luận án đạt yêu cầu.

2. Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án

- Luận án tổng quan được tình hình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh.
- Phân tích, làm rõ được một số vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.
- Phân tích, đánh giá được thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện giai đoạn 2018 – 2025.
- Dự báo và đề xuất được các giải pháp có tính khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

3. Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án

- Các luận điểm, kết luận của luận án có cơ sở khoa học, thực tiễn, có độ tin cậy.

4. Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.
- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan xây dựng chính sách, pháp luật và các cơ quan trực tiếp đấu tranh chống tội phạm trong việc phòng, chống các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện trong giai đoạn hiện nay.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, học tập trong các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam.

5. Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án

- Luận án không có thiếu sót lớn về nội dung và hình thức. Tuy nhiên có một số nội dung chưa được phân tích sâu như:

  + Nội dung phòng ngừa (Tr. 55, 56).

  + Các học thuyết được sử dụng nghiên cứu chưa thật gắn với việc lý giải, giải thích tình hình tội phạm cũng như các giải pháp phòng ngừa tội phạm.

- Một số bảng, biểu đồ chưa được chú thích nguồn cụ thể.
- Số liệu tại một số bảng chưa thật thống nhất.
- Một số chú thích tài liệu chưa chính xác.
- Còn lỗi kỹ thuật, lỗi diễn đạt.

6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án

- Luận án đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức của luận án tiến sĩ luật học.

7. Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho thư viện Quốc gia Việt Nam

- Hội đồng yêu cầu NCS khắc phụ những hạn chế, thiếu sót nêu tại Mục 5 Nghị quyết này.

8. Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ luật học cho NCS.

- Hội đồng kiến nghị Trường Đại học Luật Hà nội công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ luật học cho NCS Trần Văn Hậu.

Nghị quyết này được toàn thể thành viên của Hội đồng nhất trí tán thành.

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2026

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Từ Hoài Bảo

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hương

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Tô Văn Hòa

BM60-TS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA LUẬN ÁN TIẾN SĨ THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Kính gửi: - Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường;
- Trưởng Khoa pháp luật Hình sự;
- Trưởng Phòng Đào tạo sau đại học.

Họ và tên nghiên cứu sinh: Trần Văn Hậu.

Ngành đào tạo: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Mã số: 9380105.

Tên đề tài luận án: Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Cao Thị Oanh;
2. TS Nguyễn Khắc Hải.

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường được thành lập theo Quyết định số 1752/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; căn cứ vào ý kiến nhận xét của các thành viên hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường; Với sự nhất trí của người hướng dẫn khoa học, nghiên cứu sinh đã thực hiện việc bổ sung, chỉnh sửa luận án theo Nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường, như sau:

1. Về hình thức của luận án

- Ý kiến góp ý, yêu cầu chỉnh sửa Luận án của Hội đồng:

+ Một số bảng, biểu đồ chưa được chú thích nguồn cụ thể.

+ Số liệu trong một số bảng chưa thống nhất.

+ Một số chú thích tài liệu chưa chính xác.

+ Còn lỗi kỹ thuật, lỗi diễn đạt.

- Giải trình chỉnh sửa:

+ Đã bổ sung, chú thích nguồn cụ thể đối với tất cả các bảng, biểu đồ trong luận án (21 bảng, 15 biểu đồ).

+ Đã rà soát các trích dẫn và chú thích tài liệu tham khảo theo đúng quy định: chú thích 1 (tr.1); chú thích 20 (tr.72); chú thích 84 (tr.114); chú thích 44 (tr. 92); chú thích 45; chú thích 51 (tr. 96); chú thích 59 (tr.100).

+ Sửa lỗi chính tả, diễn đạt bảo đảm tính khách quan, khoa học của mỗi nội dung trình bày, đồng thời chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện bảng biểu, cập nhật số liệu các bảng 1, 2, 3 với 4, 5, 6 và rà soát các bản án trong Phụ lục với các số thứ tự 11; 295; 12; 297; 13; 299; 153; 284.

2. Về nội dung của Luận án

Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ cấp trường yêu cầu chỉnh sửa, làm sâu sắc hơn về một số nội dung trong luận án như:

- Phân tích sâu hơn về nội dung phòng ngừa tại trang 55, 56 Luận án:

Về yêu cầu này, nghiên cứu sinh đã nghiêm túc nghiên cứu, chỉnh sửa. Cụ thể như sau: phân tích, luận giải và làm rõ hơn nội dung phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh (XCNC) do công dân Việt Nam (CDVN) thực hiện, trên cơ sở phân tích, đánh giá 03 nội dung cơ bản, cốt lõi trong phòng ngừa loại tội phạm này gồm: *Một là*, phát hiện, hạn chế, tiến tới xóa bỏ nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; *Hai là*, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện hướng tới những người được tổ chức XCNC trái phép; *Ba là*, phát hiện, xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện và cải tạo, giáo dục người phạm tội (tại các trang 55-57).

- Các học thuyết được sử dụng nghiên cứu chưa thật gắn với việc lý giải tình hình tội phạm và giải pháp phòng ngừa tội phạm:

Về vấn đề này, nghiên cứu sinh đã nghiêm túc tiếp thu ý kiến góp ý, tiến hành nghiên cứu, rà soát và bổ sung trong nội dung luận án. Cụ thể là: phân tích, lập luận rõ hơn việc vận dụng, sử dụng các học thuyết tội phạm học (thuyết sự lựa chọn duy lý; thuyết cơ hội phạm tội; thuyết hành vi thói quen...) trong nghiên cứu tại phần khái niệm phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (tại mục 1.1.1) để phân tích, đánh giá, làm rõ hơn tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, đặc biệt trong đánh giá, làm rõ nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, cụ thể: nguyên nhân từ điều kiện vị trí địa lý, tự nhiên;

Điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn và tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường; Nguyên nhân từ sự gia tăng lưu lượng người XCNC; Lợi ích kinh tế cao và rủi ro pháp lý thấp là yếu tố thúc đẩy các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; Nguyên nhân từ phía người được tổ chức XNC trái phép (từ trang 84-91).

Đồng thời, vận dụng các giá trị khoa học từ các học thuyết đó để phân tích, làm sâu sắc hơn các giải pháp tăng cường phòng ngừa tại mục 3.2 như: 3.2.3. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa chung nhằm loại trừ các nguyên nhân phát sinh các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (trang 155); 3.2.4. Nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (trang 163); 3.2.5. Tăng cường phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện (trang 171).

Với tinh thần cầu thị, nghiên cứu sinh đã nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa luận án theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Nghiên cứu sinh trân trọng cảm ơn những đóng góp quý báu của các thành biên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường./.

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. Cao Thị Oanh

TS Nguyễn Khắc Hải

NGHIÊN CỨU SINH

Trần Văn Hậu

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

TS Lưu Hoài Bão

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS Nguyễn Văn Hương

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Tô Văn Hòa